



***Cấu trúc 8: Các dạng biến đổi với thì Hiện tại hoàn thành**

Dạng 1: . Hiện tại hoàn thành -> quá khứ đơn với started /began :

S + have/ has + Vpp + for + khoảng thời gian (hoặc since + mốc thời gian hoặc since + QKD).

=> **S + started/ began + V-ing/ to V + khoảng thời gian + ago** (hoặc bỏ since chỉ dùng mốc thời gian hoặc thay since + QKD bằng when S Vqkd)

Vd: I have worked in this company for 10 years

-> **I started/began** working in this company 10 years ago

***Cách chuyển:**

1. bỏ have/has đi,

2. Vp2 chuyển thành V-ing sau started/began

S + have/has + Vp2 +(thời gian)

-> S + started/began + V-ing + (thời gian)

3. Thời gian chuyển theo lưu ý dưới đây

lưu ý: cách chuyển thời gian từ thì HTHT sang QKD (có 3 tình huống)

1. for + khoảng thời gian -> khoảng thời gian + ago

vd: **for 2 days**-> **two days ago**

2. Since + mốc thời gian -> bỏ since đi, chỉ giữ lại mốc thời gian

Vd: **since last week** -> **last week**

3. Since + mệnh đề quá khứ -> when + mệnh đề quá khứ

Vd: **since we moved here** -> **when we moved here**

1. She has painted her house since last week

-> she **began**...

2. They have lived here for ten years

-> They started

3. I have read that book for two days

-> I began

4. He has swum since I came back home

-> He started

5. Lan has worked in this hospital since last year

-> Lan began

6. I have done my homework for 1 hour

-> I started

7. We have eaten breakfast since we finished our morning exercise

-> We began

Câu khó: They have spent 2 hours drawing that picture

-> They started

*** Chuyển ngược lại:** Quá khứ đơn với started/began + V-ing -> HTHT (S + Vp2)

Cách chuyển: 1. Bỏ started/began đi ;

2. V-ing chuyển thành have/has + Vp2

S + started/began + V-ing

-> S + have/has + Vp2

3. thời gian (chuyển ngược tương ứng) :

(khoảng thời gian + ago -> for + khoảng thời gian . vd: 2 days ago -> for 2 days

Last + thời gian -> since + thời gian . vd: last month -> since last month

When + QKD -> since + QKD . vd: when I got up -> since I got up)

1. I started reading this book two weeks ago
→ I have read this book for two weeks
2. He began playing tennis when I woke up
→
3. They started planting the flowers last week
→
4. We started cooking this meal a long time ago
→ We
5. She began swimming at 5 o'clock
→ She
6. Did you start drawing your picture last Monday?
→ Have.....
7. Did she begin singing that song two hours ago?
→ Has